

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

Hồng Ngự, ngày 08 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Lê T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 2, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trần Lê T là ông Hồ Thanh H, sinh năm 1983 - Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 84, tổ 32, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 2, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn K, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Lê T và bà Nguyễn Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Lê T và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chưa có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản:

- Đất ruộng diện tích 5.085m², thuộc thửa số 4 (trong phạm vi các mốc M1, M11, M2, M3, M12, M8, M9, M10 trở về mốc M1) và 488,1m², thuộc thửa 61 (trong phạm vi các mốc M7, M13, M4, M5, M14, M6 trở về mốc M7) cùng tờ bản đồ số 36, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do Hộ ông Trần Lê T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trị giá 334.386.000đ).

- Đất ở có diện tích 81m², thuộc thửa 97 (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1), tờ bản đồ số 52, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, căn nhà và tài sản gắn liền với đất, do Hộ ông Trần Lê T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trị giá 400.000.000đ).

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27 tháng 3 năm 2020; Các Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 03-2020 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị M được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.)

Tổng giá trị tài sản là: 734.386.000đ. Bà Nguyễn Thị M chia lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho ông Trần Lê T là 367.193.000đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Lê T chịu 9.180.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.350.000đ, theo Biên lai số BH/2018/0001223 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, còn phải nộp thêm 3.830.000đ (Ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị M chịu 9.180.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000đ, theo Biên lai số BH/2018/0001358 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, còn phải nộp thêm 8.805.000đ (Tám triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông T đã chi tạm ứng chi phí đo đạc 7.080.000đ, chi phí định giá 400.000đ, tổng cộng 7.480.000đ. Chi phí này ông T, bà M mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ là 3.740.000đ. Bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông Trần Lê T 3.740.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nông Phú